TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 132/2025/HNGĐ-ST Ngày: 24 – 6 – 2025 V/v "Tranh chấp xin ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có****:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Võ Thuý Nhị – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2025/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, Sinh năm: 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Thanh Đ, Sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 28/3/2025 nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đỗ Thanh Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và quan điểm sống và đã không còn chung sống từ tháng 3/2022 đến nay. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Thanh Đ.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Đỗ Minh Đ1, sinh ngày 01/6/2019. Hiện con chung đang sống cùng với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 09/5/2025 bà Bùi Thị T trình bày: Do bận công việc gia đình nên yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà T.

Đại diện chính quyền địa phương UBND xã P nơi hai bên đương sự sinh sống xác định: Bà T và ông Đ không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Tại phiên tòa:

- Bà T và ông Đ vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị T đối với ông Đỗ Thanh Đ. Về nuôi con chung giao con chung tên Đỗ Minh Đ1, sinh ngày 01/6/2019 cho bà Bùi Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đỗ Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Đỗ Thanh Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Đỗ Thanh Đ cư trú tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đỗ Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T và ông Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Đỗ Thanh Đ tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 07/2017 ngày

09/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà T nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân không hoà thuận, không hạnh phúc, thường xuyên cự cải. Nguyên nhân là do tính tình không hoà hợp, bất đồng ý kiến và quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm rạn nứt và mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn. Đối với, ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà T. Từ đó cho thấy, ông Đ không mong muốn hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn của bà T và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông Đ.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Đỗ Minh Đ1, sinh ngày 01/6/2019. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ không có ý kiến về việc yêu cầu nuôi con của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi bà T và ông Đ không còn chung sống với nhau thì con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để ổn định môi trường sống của con chung và con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Đỗ Thanh Đ.

Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Đỗ Minh Đ1, sinh ngày 01/6/2019 cho bà Bùi Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đỗ Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đỗ Thanh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Bùi Thị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng. Bà Bùi Thị T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003987 ngày 02 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân;
(Giấy CNKH số 07 ngày 09/02/2017)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Như